TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 971/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06/9/2018
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Nguyệt

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Hà Văn Đoàn – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức *tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Tuyết Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 682/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 317/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thúy N, sinh năm 1988

Địa chỉ: khu phố X, phường Hiệp Bình P, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Trương Hoàng S, sinh năm 1987

Địa chỉ: khu phố X, phường Hiệp Bình P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thúy N trình bày: Bà và ông Trương Hoàng S tự nguyện kết hôn vào năm 2008 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức. Sau khi lập gia đình ông bà sống tự lập. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng nhau trong lĩnh vực kinh tế, ông S không lo làm ăn, vợ chồng không hợp nhau, không tin tưởng nhau, thường xuyên cãi vã từ đó cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Hiện nay ông bà đã ly thân, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông S.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Trương Minh H, sinh ngày 21/6/2009. Hiện nay ông S đang trực tiếp nuôi con, sau khi ly hôn, bà Nđồng ý giao con chung cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng, bà cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu đồng).

Tài sản chung và nợ chung bà N xác định không có.

Ông Trương Hoàng S vắng mặt nhưng có lời khai: Ông thừa nhận lời trình bày của bà Nvề thời điểm kết hôn là đúng, ông S cho rằng cuộc sống vợ chồng hạnh phúc bình thường, đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng nhau nhau trong lĩnh vực kinh tế, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung. Hiện nay ông bà đã ly thân, tuy nhiên ông S xác định tình cảm vẫn còn, ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Trương Minh H, sinh ngày 21/6/2009. Hiện nay ông đang nuôi con, sau khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con và tự nguyện không yêu cầu bà Nphải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Huỳnh Thị Thúy N có đơn xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án. Ông Trương Hoàng S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. ông Trương Hoàng S cư trú tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Huỳnh Thị Thúy N có đơn xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án. Bị đơn ông Trương Hoàng S đã được tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Bà Huỳnh Thị Thúy N và ông Trương Hoàng S tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 158 ngày 14/10/2008 do Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức cấp, do đó hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Ngày 15/6/2018 bà Nnộp đơn xin ly hôn với ông S. Trong quá trình hòa giải bà Nkiên quyết xin ly hôn, ông S xác định tình cảm vẫn còn, ông không đồng ý ly hôn, tại phiên Tòa hôm nay mặc dù ông S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nhi, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Ncho rằng cuộc sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, những mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau trong lĩnh vực kinh tế, ông S không lo làm ăn, vợ chồng không hợp nhau, không tin tưởng nhau, thường xuyên cãi vã từ đó cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc nên ông bà đã ly thân, điều này được ông S thừa nhận nhưng ông S xác định tình cảm vẫn còn, không đồng ý ly hôn. Căn cứ vào công văn trả lời xác minh tình trạng hôn nhân số 194/VHTT ngày 13/8/2018 của Phòng Văn hóa và Thông tin quận Thủ Đức thì lời trình bày của bà Nvà ông S về mâu thuẫn gia đình là có căn cứ. Chính điều này cho thấy giữa hai bên đã có những khác nhau về mặt nhận thức, làm cho cuộc sống chung không thể tiếp tục, các mâu thuẫn không được quan tâm giải quyết và hiện tại vẫn còn mâu thuẫn, đều đó chứng tỏ khả năng giải quyết những mâu thuẫn phát sinh trong thực tế cuộc sống vợ chồng là không có. Xét thấy ông bà đã ly thân với nhau từ tháng đầu năm 2018, bà Nxác định tình cảm vợ chồng không còn, ông S cho rằng còn thương bà Nnhưng lại không đến Tòa án để giải quyết việc yêu cầu ly hôn cho thấy ông thiếu thiện chí và không tôn trọng pháp luật, vì vậy căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Nvề việc xin ly hôn với ông S.

Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của bà Nvà ông S, giấy khai sinh của người con được các đương sự thừa nhận và cung cấp trong hồ sơ vụ kiện, có cơ sở xác định quá trình sống chung bà Nvà ông S có 01 người con chung tên Trương Minh H, sinh ngày 21/6/2009. Xét hiện tại người con chung đang ở với ông S, được chăm sóc tốt và được đi học, ông S có đủ khả năng và điều kiện chăm sóc con mặt khác theo thỏa thuận của bà Nvà ông S, nên ghi nhận việc bà Nđồng ý giao con chung cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng. Ông S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên bà Nyêu cầu được cấp dưỡng để có chi phí lo cho con chung được tốt hơn, đây là quyền lợi của con chung nên ghi nhận sự tự nguyện của bà Ncấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu đồng).

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 bà Nphải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238, Khoản 2 Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 8, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1-/ Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Thúy N:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thúy N được ly hôn ông Trương Hoàng S.

Về con chung: Giao người con chung tên Trương Minh H, sinh ngày 21/6/2009 cho ông Trương Hoàng S trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Ncấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu đồng).

Thực hiện vào ngày cuối cùng của mỗi tháng bắt đầu từ tháng 9/2018 cho đến khi người con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ khi ông Trương Hoàng S có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền cấp dưỡng, nếu bà Huỳnh Thị Thúy N chưa thi hành, thì hàng tháng bà Ncòn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết, có thể thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2-/ Về án phí: Bà Huỳnh Thị Thúy N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (hai trăm ngàn) đồng bà N đã nộp theo biên lại thu tiền tạm ứng án phí số 0022037 ngày 22/6/218 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, bà Nphải nộp tiếp số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn đồng). Ông Trương Hoàng S không phải chịu án phí.

3-/ Quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử công khai đương sự vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án NDTP.HCM;
- VKS NDQ.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q.Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các bên đ/sự;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ánh Nguyệt

.